TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LS** **TỈNH HB**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-9-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LS, TỈNH HB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Bùi Văn Thiệu
2. Ông: Bùi Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Cúc, thư ký Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh HB tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2024 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa, xã GH 2, huyện MX, tỉnh ST (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1977; Địa chỉ: Xóm T, xã AN, huyện LS, tỉnh HB (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2024, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn S kết hôn với nhau vào ngày 02/8/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GH 2, huyện MX, tỉnh ST. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương. Sau khi kết hôn chị M và anh S sinh sống ở huyện MX, tỉnh ST. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, chị M và anh S đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Sau khi ly thân anh S về HB còn chị M ở lại ST. Từ khi ly thân vợ chồng không gọi điện, không liên lạc với nhau. Nay chị M thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân

không đạt được, vì vậy chị Nguyễn Thị M đề nghị Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

Về con chung: Chị M và anh S có 02 con chung tên là Bùi Thảo V, sinh ngày 06/11/2008, Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/8/2012. Chị Nguyễn Thị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu Bùi Thảo V và Bùi Minh Đ và chưa yêu cầu anh Bùi Văn S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án.

Anh Bùi Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn S.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập anh Bùi Văn S đến để giải quyết việc chị Nguyễn Thị M đề nghị ly hôn nhưng anh Bùi Văn S không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Tại biên bản lấy lời khai anh trai anh S là ông Bùi Văn Dim (Bút lục 37, 38, 39) và biên bản lấy lời khai chị dâu anh S là bà Bùi Thị Loan (Bút lục 35, 36) và biên bản xác minh (Bút lục 32, 33, 34) thể hiện anh Bùi Văn S hiện nay vẫn đăng ký thường trú tại: xóm T, xã AN, huyện LS, tỉnh HB, anh S sống cùng với vợ chồng anh trai anh S là ông Bùi Văn Dịm, bà Bùi Thị Loan, anh S đi làm ăn và vẫn thường xuyên về nhà bà Loan. Anh S cũng biết việc chị M làm đơn xin ly hôn nhưng anh S có thông tin lại cho gia đình bà Loan là anh S bận đi làm ăn không về ký, tùy chị M làm thủ tục như nào thì làm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh HB phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý cho đến khi xét xử: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng người tham gia tố tụng.

Thời hạn thụ lý vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn S.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Thảo V, sinh ngày 06/11/2008, Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/8/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Văn S chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị M và có quyền đi lại thăm con chung không ai cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

- Quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn

Bị đơn anh Bùi Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Bùi Văn S vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn S.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn anh Bùi Văn S không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Bùi Văn S, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn tại xóm T, xã AN, huyện LS, tỉnh HB. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã GH 2, huyện MX, tỉnh ST. Xét về cuộc hôn nhân giữa chị M và anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống giữa chị M và anh S đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, đã ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, giữa hai người đã có khoảng thời gian sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Với khoảng thời gian dài ly thân đủ cho chị M, anh S suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm được một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh đối với chính quyền địa phương và gia đình anh S thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị M và anh S đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, khi có mâu thuẫn thường không tìm cách tháo gỡ mà có thái độ bỏ mặc cuộc hôn nhân. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh S là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Bùi Văn S là phù hợp với Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống chị M và anh S có 02 con chung tên Bùi Thảo V, sinh ngày 06/11/2008, Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/8/2012. Vợ chồng ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu V và Đ. Chị Nguyễn Thị M chưa yêu cầu anh Bùi Văn S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị M: Chị M rất thiết tha được nuôi con, tại bản tự khai bút lục 24, 25 cả hai cháu Bùi Thảo V, Bùi Minh Đ đều có nguyện vọng được ở với mẹ Nguyễn Thị M. Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai cháu V và Đ đều có nguyện vọng được ở với chị M nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân xử giao cả hai cháu Bùi Thảo V, Bùi Minh Đ cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung chị M chưa yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên anh S chưa phải đóng góp.

[3.3] Về tài sản, công nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Bùi Văn S. Cụ thể: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn S.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Bùi Thảo V, sinh ngày 06/11/2008, Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/8/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị M chưa yêu cầu anh Bùi Văn S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Bùi Văn S chưa phải đóng góp.

Anh Bùi Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung:

Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002321 ngày 08/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LS, tỉnh HB. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh HB;
- Viện kiểm sát huyện LS;
- Chi cục THSDS huyện LS;
- UBND xã GH 2, huyện MX, tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thị Hà